TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 17 - 02 - 2023
V/v Tranh chấp tài sản của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thúy Hồng

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiếu Phương Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 16/2019/TLPT-DS ngày 07 tháng 8 năm 2019 về việc "Tranh chấp tài sản của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn".

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 14/2018/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 38/2023/QĐ-PT ngày 12 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn, ông Đoàn Văn NĐ (đã chết ngày 17/8/2019)

1/ Ông Đoàn Văn L, sinh năm 1930 (cha của ông NĐ), đã chết vào ngày 23/01/2022.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đoàn Văn L:

1.1 Bà Đoàn Thị Minh X, sinh năm 1954 (vắng mặt);

1.2 Ông Đoàn Văn Đ, sinh năm 1963 (vắng mặt);

1.3 Ông Đoàn Văn L, sinh năm 1967 (vắng mặt);

1.4 Ông Đoàn Văn B, sinh năm 1972 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: số 66/3, khu phố 11, phường T1, thành phố T2, tỉnh Đồng Nai.

1.5 Ông Đoàn Chí L, sinh năm 1978 (vắng mặt);

Cư trú tại Thụy Sĩ.

2/ Bà Vũ Thị K, sinh năm 1966 (vợ của ông NĐ) (vắng mặt);

3/ Bà Đoàn Mỹ Y, sinh năm 1987 (con của ông NĐ) (vắng mặt);

4/ Bà Đoàn Mỹ T, sinh năm 1989 (con của ông NĐ) (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: số 66/3, khu phố 11, phường T1, thành phố T2, tỉnh Đồng Nai.

5/ Chị Đoàn Phương V, sinh năm 2000 (con của ông NĐ) (vắng mặt);

6/ Chị Đoàn Phương A, sinh năm 2002 (con của ông NĐ) (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: số 4/10, khu phố T1, phường T3, thành phố T4, tỉnh Bình Dương;

- *Bị đơn*: Bà Lương Xuân BĐ, sinh năm 1966 (có mặt);

Địa chỉ: số 4/10, khu phố T1, phường T3, thành phố T4, tỉnh Bình Dương.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1, Bà Lê Thúy P, sinh năm 1973 (vắng mặt);

Địa chỉ: Le 9616 Braddock Rd Fairfax, Va 22032-2501, USA.

2. Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị O, sinh năm 1979 (có mặt);

Địa chỉ: số 25 bis Nguyễn Thị Minh Khai, phường T5, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T4 (nay là thành phố T4), tỉnh Bình Dương;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lâm Phạm Nguyên H2, sinh năm 1978 (Giấy ủy quyền ngày 16/02/2023) (có mặt);

4. Ông Nguyễn Khắc N2, sinh năm 1985 (vắng mặt);

5. Bà Võ Quỳnh A2, sinh năm 1995 (vắng mặt);

6. Bà Nguyễn Thị Bích L2 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: số 4/10, khu phố T1, phường T3, thành phố T4, tỉnh Bình Dương;

- *Người kháng cáo*: nguyên đơn ông Đoàn Văn NĐ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 9 năm 2016 và lời khai quá trình tố tụng, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Nguyên đơn ông NĐ và bị đơn bà BĐ chung sống với nhau từ năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống cả hai có 02 người con là: Đoàn Phương V, sinh ngày 23/9/2000 và Đoàn Phương A, sinh ngày 19/11/2002. Do có bất đồng trong cuộc sống nên khoảng năm 2014 thì ông NĐ và bà BĐ sống ly thân.

Về tài sản:

Trước khi chung sống, bà BĐ có một thửa đất diện tích 437 m^2 thuộc thửa đất số 514, tờ bản đồ sồ 04 tọa lạc tại khu phố 7, xã T3, huyện Thuận An, tỉnh Sông Bé (nay là khu phố T1, phường T3, thành phố T4, tỉnh Bình Dương) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 054890, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 789 QSDĐ/CQĐH do Ủy ban nhân dân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện Thuận An (thị xã T4 - nay là thành phố T4) cấp cho bà Lương Xuân BĐ ngày 30/7/1997.

Trong thời gian chung sống, ông NĐ và bà BĐ có tạo lập tài sản chung là 02 căn nhà: 01 căn nhà có diện tích 293,34 m^2 thuộc thửa đất số 514, tờ bản đồ số 4 và được UBND huyện T4 (thị xã T4 - nay là thành phố T4) cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 440 vào ngày 28/10/2008 cho bà Lương Xuân BĐ; 01 căn nhà có diện tích 126 m^2 cũng trên diện tích đất nêu trên (nhà này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà). Cả hai căn nhà trên tọa lạc tại số 04/10, khu phố T1, phường T3, thị xã T4 (nay là thành phố T4), tỉnh Bình Dương.

Để xác định rõ về tài sản của cá nhân, nay ông NĐ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi căn nhà có diện tích 293,34 m^2 và căn nhà có diện tích 126 m^2 tọa lạc tại số 4/10, khu phố T1, phường T3, thị xã T4 (nay là thành phố T4), tỉnh Bình Dương cho ông NĐ và bà BĐ được sở hữu riêng theo quy định của pháp luật.

Tại Bản tự khai ngày 16/2/2017 và lời khai trong quá trình tố tụng, bị đơn bà Lương Xuân BĐ trình bày:

Bà BĐ thống nhất với ý kiến của ông NĐ về quá trình chung sống, đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn và trong quá trình chung sống thì có 02 con chung là cháu V, sinh năm 2000 và cháu A, sinh năm 2002.

Đối với yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của ông NĐ thì bà BĐ không đồng ý vì: Theo bà BĐ thì quyền sử dụng đất là của mẹ bà BĐ cho từ năm 1994 còn 02 căn nhà trên là do bà BĐ cùng em ruột là Lê Thúy P (hiện đang định cư tại Hoa Kỳ) bỏ tiền ra xây dựng. Bà Phương gửi tiền về góp chung với bà BĐ để xây dựng nhà. Ông NĐ chỉ đóng góp công sức xây nhà. Quá trình chung sống, bà BĐ và ông NĐ không tạo lập được tài sản chung gì.

Bà BĐ xác định: Ngày 02/5/2013 với tư cách là chủ Doanh nghiệp Tư nhân gỗ NĐ Phát, bà BĐ có vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Á-Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: 1015, đường Trần Hưng Đ, Phường 5, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh số tiền 2.900.000.000 đồng theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức HM13/0127/HCM ngày 02/5/3013 và số tiền 500.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng trung – dài hạn số TD13/0129/HCM, tổng cộng là 3.400.000.000 đồng. Để đảm bảo cho khoản vay trên, ngày 02/5/2013, bà Lương Xuân BĐ và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Á- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: HCM13/0127/HĐBĐ2 thế chấp thửa đất diện tích 437m^2 thuộc thửa đất số 514, tờ bản đồ sồ 04 tọa lạc tại khu 7, xã T3, huyện Thuận An, tỉnh Sông Bé (nay là khu phố T1, phường T3, thị xã T4 (nay là thành phố T4), tỉnh Bình Dương) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 054890, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 789 QSDĐ/CQĐH do UBND huyện Thuận An (thị xã T4 - nay là thành phố T4) cấp cho bà Lương Xuân BĐ ngày 30/7/1997 cùng căn nhà có diện tích 293,34 m^2 được UBND huyện T4 (thị xã T4 - nay là thành phố T4) cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 440 vào ngày 28/10/2008 cho bà Lương Xuân BĐ.

Hiện nay, quyền sử dụng đất diện tích 437 m^2 thuộc thửa đất số 514, tờ bản đồ sồ 04 tọa lạc tại khu phố 7, xã T3, huyện Thuận An, tỉnh Sông Bé (nay là khu phố T1, phường T3, thành phố T4, tỉnh Bình Dương) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 054890, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 789 QSDĐ/CQĐH và căn nhà có diện tích 293,34 m^2 thuộc thửa đất số 514, tờ bản đồ số 4 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 440 ngày 28/10/2008 đều do UBND thị xã T4 (nay là thành phố T4) cấp cho bà Lương Xuân BĐ đã được Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T4 (nay là thành phố T4),

tỉnh Bình Dương kê biên, cưỡng chế thi hành án để bảo đảm thi hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 21/2014/QĐST-KDTM ngày 24/11/2014 của Tòa án nhân dân thị xã T4 (nay là thành phố T4). Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T4 (nay là thành phố T4) đã có thông báo về việc bán đấu giá đối với giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà nêu trên. Do vậy, bà BĐ xác định ông NĐ không có quyền lợi gì đối với 02 căn nhà ông NĐ đòi chia.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank) trình bày:

Ngày 02/5/2013, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Á – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (nay đã sáp nhập vào Ngân hàng HDBank) có ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số HM 13/0127/HCM và Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số TD 13/0129/HCM đối với Doanh nghiệp Tư nhân Gỗ NĐ Phát- Chủ doanh nghiệp bà Lương Xuân BĐ với nội dung Ngân hàng cho bà BĐ vay số tiền 3.400.000.000 đồng. Để đảm bảo khoản vay trên, ngày 02/5/2013, bà BĐ đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số HCM 13/0127/HD9BĐ2 với nội dung thế chấp căn nhà cấp III, số tầng 3, diện tích sàn 293,34m^2 thuộc thửa đất số 514, tờ bản đồ 04, tọa lạc tại khu phố 7, xã T3, huyện T4, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H054890, số vào sổ 789QSDĐ/CQĐH và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà nhà số 440 do UBND huyện T4 cấp ngày 28/10/2008 đứng tên bà Lương Xuân BĐ cho Ngân hàng HDBank. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng Công chứng T4 cùng ngày và được đăng ký tại Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã T4 (nay là thành phố T4) vào ngày 03/5/2013.

Do bà BĐ vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên HDBank khởi kiện bà BĐ tại Tòa án nhân dân thị xã T4 (nay là thành phố T4) và được Tòa án thụ lý giải quyết. Ngày 24/11/2014, trên cơ sở tự nguyện hòa giải của các đương sự, Tòa án nhân dân thị xã T4 (nay là thành phố T4) đã ban hành Quyết định số 21/2014/QĐST- KDTM công nhận sự thỏa thuận của các đương sự với nội dung: Bà BĐ có trách nhiệm thanh toán nợ cho HDBank và trong trường hợp bà BĐ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì HDBank được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Hiện nay Quyết định này đang được Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T4 (nay là thành phố T4) thi hành. Tuy nhiên, do ông NĐ tranh chấp yêu cầu chia tài sản mà bà Lương Xuân BĐ đã thế chấp nên Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T4 (nay là thành phố T4) đã tạm dừng thi hành án.

Trong toàn bộ quá trình thế chấp tài sản và quá trình giải quyết của Tòa án, ông NĐ đều khẳng định khối tài sản mà bà BĐ thế chấp là của riêng bà BĐ,

không liên quan gì đến ông NĐ. Nay ông NĐ khởi kiện yêu cầu chia khối tài sản mà bà BĐ thế chấp thì Ngân hàng HDBank không đồng ý, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho Ngân hàng HDBank.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T4 (nay là thành phố T4) trình bày:

Căn cứ vào Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 21/2014/QĐST-KDTM ngày 24/11/2014 của Tòa án nhân dân thị xã T4 (nay là thành phố T4), Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T4 (nay là thành phố T4) đã ban hành Quyết định số 1569/QĐ-CCTHA ngày 30/3/2015 và Quyết định số 746/QĐ-CCTHA ngày 5/12/2014 để thi hành với nội dung: Bà Lương Xuân BĐ phải trả cho Ngân hàng HDBank 4.247.206.280 đồng. Ngoài ra, Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T4 (nay là thành phố T4) còn thụ lý thi hành Bản án dân sự phúc thẩm số 113/2015/DSPT ngày 23/7/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương theo Quyết định thi hành án số 47/QĐ-CCTHADS ngày 05/10/2015 với nội dung: Bà Lương Xuân BĐ và ông Đoàn Văn NĐ phải trả cho ông Ngô Ngọc Chung số tiền 1.528.946.895 đồng.

Chi cục Thi hành án thị xã T4 (nay là thành phố T4) đã tiến hành thẩm định giá đối với tài sản mà bà BĐ thế chấp và ủy quyền cho Công ty TNHH Bán đấu giá Công Lập bán đấu giá theo quy định của pháp luật. Ngày 24/2/2016, bà BĐ và đại diện Ngân hàng HD Bank thỏa thuận ngưng bán đấu giá với lý do để cho bà BĐ thực hiện việc chuộc tài sản. Vì vậy, Ngân hàng HD Bank đã ban hành Văn bản số 193/2016/CV-HDBank ngày 4/8/2016 chấp thuận cho bà BĐ nộp 2.642.594.168 đồng để giải chấp nhà và tài sản thế chấp. Tuy nhiên bà BĐ không thực hiện việc nộp tiền.

Hiện nay ông NĐ khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung với bà BĐ là các tài sản đã thế chấp và được Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T4 (nay là thành phố T4) kê biên để tiến hành các thủ tục bán đấu giá tài sản nhằm thi hành các quyết định và bản án của Tòa án. Quan điểm của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T4 (nay là thành phố T4) là được thực hiện bán đấu giá tài sản bà BĐ thế chấp để thi hành án, đảm bảo quyền lợi cho Nhà nước cũng như các cá nhân, tổ chức có liên quan.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bích L2 trình bày:

Bà Lài có thuê nhà của bà BĐ để cư ngụ. Việc ông NĐ yêu cầu chia tài sản chung với bà BĐ thì bà Lài không có ý kiến gì; bà Lài không có sửa chữa gì đối với nhà thuê và không có công sức gì trong căn nhà này. Bà Lài đề nghị Tòa án

không đưa bà lài tham gia với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Khắc N2 và Võ Quỳnh A2:

Là những người thuê nhà của bà BĐ và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng không đến Tòa án làm việc và cũng không gởi văn bản nêu ý kiến cho Tòa án nên Tòa án không lấy ý kiến của ông Nghị, bà Trang được.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thúy P:

Hiện cư ngụ tại Hoa Kỳ đã được Tòa án gửi đầy đủ các văn bản tố tụng, tuy nhiên Tòa án không nhận được bất kỳ văn bản nêu ý kiến nào của bà Phương.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 14/2018/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Văn NĐ về việc "Tranh chấp chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" đối với bị đơn bà Lương Xuân BĐ.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng khác và thông báo về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/12/2018, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Ngọc R có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng về tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị đơn bà Lương Xuân BĐ trình bày ông Đoàn Văn NĐ không có quyền lợi gì đối với 02 căn nhà ông NĐ đòi chia nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank) có người đại diện theo ủy quyền là bà Lê Thị O trình bày đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T4 (nay là thành phố T4) có người đại diện theo ủy quyền là bà Lâm Phạm Nguyên H2 trình bày đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giải quyết vụ án theo qui định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Văn NĐ là có cơ sở. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về việc xác định người tham gia tố tụng:

Ngày 17/8/2019, nguyên đơn ông Đoàn Văn NĐ chết. Theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Bộ luật Tố tụng dân sự: *"Trường hợp đương sự là cá nhân đang tham gia tố tụng chết mà quyền, nghĩa vụ về tài sản của họ được thừa kế thì người thừa kế tham gia tố tụng"*. Do đó, Toà án cấp phúc thẩm đã triệu tập những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông NĐ vào tham gia tố tụng gồm cha của ông NĐ là ông Đoàn Văn L, vợ của ông NĐ là bà Vũ Thị K và 04 người con là bà Đoàn Mỹ Y, bà Đoàn Mỹ T, bà Đoàn Phương V và bà Đoàn Phương A.

Ngày 23/01/2022, ông Đoàn Văn L chết. Do đó, Toà án cấp phúc thẩm đã triệu tập những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đoàn Văn L vào tham gia tố tụng gồm bà Đoàn Thị Minh X, ông Đoàn Văn Đ, ông Đoàn Văn L, ông Đoàn Văn B, ông Đoàn Chí L.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng:

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đoàn Văn NĐ gồm bà Vũ Thị K, bà Đoàn Mỹ Y, bà Đoàn Mỹ T, cùng có người đại diện theo ủy quyền là ông Phan Ngọc R có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 13/02/2023; những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đoàn Văn L và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đoàn Văn NĐ còn lại đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thúy P đang định cư tại Hoa Kỳ. Ngày 03/6/2022, Bộ Tư pháp có Công văn số 1492/BTP-PLQT thông báo kết quả thực hiện ủy thác tư pháp bằng phương thức "Chuyển cho người sống chung cùng đương sự" nhưng gửi đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí

Minh. Do tài liệu bị thất lạc, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã có văn bản sao lục kết quả ủy thác tư pháp nhưng không được phúc đáp. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm và phúc thẩm, bà Lê Thúy P vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Nguyễn Khắc N2, bà Võ Quỳnh A2, bà Nguyễn Thị Bích L2 đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do.

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 296, Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vụ án phúc thẩm vắng mặt những người tham gia tố tụng trên.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Ông Đoàn Văn NĐ và bà Lương Xuân BĐ chung sống với nhau từ năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn.

Phía nguyên đơn cho rằng quá trình chung sống, ông NĐ và bà BĐ có tạo lập tài sản chung là 02 căn nhà: 01 căn nhà có diện tích 293,34 m^2 thuộc thửa đất số 514, tờ bản đồ số 4 và được UBND huyện T4 (nay là thị xã T4 (nay là thành phố T4)) cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 440 vào ngày 28/10/2008 cho bà Lương Xuân BĐ; 01 căn nhà có diện tích 126 m^2 cũng trên diện tích đất nêu trên (nhà này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà). Cả hai căn nhà trên tọa lạc tại số 04/10, khu phố T1, phường T3, thị xã T4 (nay là thành phố T4), tỉnh Bình Dương.

[2.2] Xét lời trình bày của phía nguyên đơn không được bị đơn hừa nhận. Theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Bộ luật Tố tụng dân sự: *"Đương sự có quyền và nghĩa vụ chủ động thu nhập, giao nộp chứng cứ cho Toà án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp"*; khoản 5 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh của đương sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi tham gia tố tụng và theo khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì: *"Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp"*. Các quy định này cho thấy nguyên đơn có nghĩa vụ cung cấp các chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Do phía nguyên đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh về việc 02 căn nhà trên là tài sản chung của ông NĐ và bà BĐ nên Toà án căn cứ vào các tài liệu đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.3] Căn cứ hồ sơ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 45/2014/TLST-KDTM ngày 23/10/2014 của Toà án nhân dân thị xã T4 (nay là thành phố T4), tỉnh Bình Dương về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" giữa nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank) và bị đơn là bà Lương Xuân BĐ về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa HDBank thì bà BĐ có thế chấp 02 căn nhà trên để đảm bảo cho khoản vay của bà đối với Ngân hàng. Trong quá trình giải quyết vụ án này, ông NĐ với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã khai nhận như sau:

"Tôi và bà Lương Xuân BĐ chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Về tài sản bà Lương Xuân BĐ thế chấp cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh gồm:

- Diện tích đất 2.832,8m^2 tại xã Khánh B, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Diện tích đất 437m^2 tại khu phố T1, T3, T4, Bình Dương và tài sản gắn liền trên đất là 02 căn nhà cấp 3 tọa lạc tại cùng địa chỉ trên.

Tất cả tài sản trên là tài sản riêng của bà Lương Xuân BĐ, nếu sau này Ngân hàng có phát mãi tài sản của bà Lương Xuân BĐ thì tôi đồng ý và không có ý gì khiếu nại". (bút lục 63)

Tại Biên bản hòa giải thành vào ngày 13/11/2014, bà BĐ trình bày như sau: *"Tài sản này là tài sản riêng của tôi, tôi và ông Đoàn Văn NĐ không có đăng ký kết hôn nên tài sản của tôi do tôi đầu tư làm ăn và tự quyết định".*

Như vậy, Toà án cấp sơ thẩm xác định 02 căn nhà trên tài sản riêng của bà BĐ và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp quy định của pháp luật.

[2.4] Về yêu cầu kháng cáo của phía nguyên đơn đối với thoả thuận giữa bà BĐ và ông NĐ về việc bà BĐ thanh toán cho ông NĐ 600.000.000 đồng công sức đóng góp xây dựng 02 căn nhà:

Xét bà BĐ đồng ý thanh toán cho ông NĐ số tiền 600.000.000 đồng nhưng yêu cầu trích từ giá trị 02 căn nhà đang tranh chấp. Tuy nhiên, các tài sản này đang được thế chấp tại Ngân hàng HD Bank và Ngân hàng không chấp nhận thoả thuận của các bên đương sự. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm không ghi nhận thoả thuận này giữa bà BĐ và ông NĐ là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Đoàn Văn NĐ, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Các phần khác của bản án Tòa án cấp sơ thẩm, các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân không kháng nghị nên phát sinh hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm và chi phí tố tụng ở cấp phúc thẩm: những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đoàn Văn NĐ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đoàn Văn NĐ.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 6, Khoản 3 Điều 35, Điều 70, Điều 74, Điều 91, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280, Điều 293 và Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Điều 14 và Điều 16 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

- Điều 207 và Điều 208 Bộ luật Dân sự 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Văn NĐ về việc "Tranh chấp chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" đối với bị đơn bà Lương Xuân BĐ.

2. Các phần khác của bản án Tòa án cấp sơ thẩm, các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân không kháng nghị nên phát sinh hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm và chi phí tố tụng ở cấp phúc thẩm:

- Chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đoàn Văn NĐ phải chịu, được khấu trừ số tiền 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng đã nộp (do ông Phan Ngọc R nộp thay) theo biên lai thu số 0030804 ngày 28/5/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương và số tiền

95 USD nộp vào tài khoản ngân hàng Wells Fargo Bank; ghi nhận đã thực hiện xong.

- Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đoàn Văn NĐ phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp (do ông Phan Ngọc R nộp thay) theo Biên lai số 0026913 ngày 24/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T4 (nay là thành phố T4), tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thúy Hồng **Nguyễn Thị Ngọc Hoa** **Trần Thị Hòa Hiệp**